THỜI KHÓA BIỂU/ *TIMETABLE* TERM 1 – 2017 **LỚP/*CLASS*: Kiwi: 3 - 4 Y**

	Thứ Hai ***Monday***	**Thứ Ba** ***Tuesday***	**Thứ Tư** ***Wednesday***	**Thứ Năm** ***Thursday***	**Thứ Sáu** ***Friday***
Hoạt động tiếng Anh/ *English activities*					
07h00 - 07h45	- Đón trẻ/ *Sign-in* - Kiểm tra sức khỏe lần 1/ *Health check*				
07h45 - 08h30	- Điểm danh/ *Attendance check* - Ăn sáng, uống sữa/ *Breakfast and milk*				
08h30 - 08h45	Thể dục sáng/ *Morning exercise*				
08h45 - 09h00	Uống nước và vệ sinh/*Water and toilet*				
09h00 - 09h45	ESL	Phonics	09:00: Võ (Nam) – Múa (Nữ) 09:30: ESL 10:00: Math and logistic	Phonics	ESL
09h45 - 10h30	Art and Craft	Music and movement		Speech and Drama	Thể dục
10h30 - 11h30	-Vệ sinh, ăn trưa / *Toilet and lunch*				
11h30 - 14h00	- Ngủ trưa/ *Nap time* - Kiểm tra sức khỏe lần 2/ *Health check*				
Hoạt động tiếng Việt/ *Vietnamese activities*					
14h00 - 14h15	Vận động sau ngủ dậy/ *Warm up*				
14h15 – 14h45	Vệ sinh, ăn quà chiều/ *Toilet and snack*				
14h45 – 15h15	Hoạt động khám phá	LQ với Toán	Văn học	Tạo hình	14:30: Yoga 15:00: Rèn KNLĐ
15h15 - 15h45	Âm nhạc	Rèn KNVS	Kỹ năng sống	Rèn KNVS	
15h45 - 16h15	Phòng đa năng *Multifunction room*	Chơi góc trên lớp *Corner activity*	Thư viện *Library*	Chơi góc trên lớp *Corner activity*	
16h15 - 17h30	Chơi tự do, trả trẻ/ *Free play, sign-out*				